

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

TÀI LIỆU GIẢNG DẠY DỊCH ÁP DỤNG CHO CÁC HỌC PHẦN BIÊN PHIÊN DỊCH NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT NGHIÊM THỊ THU HƯƠNG*

TÓM TẮT: Nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành biên phiên dịch tiếng Hàn, nghiên cứu này tập trung vào việc phân tích thực trạng tài liệu giảng dạy dịch trong chương trình đào tạo Biên phiên dịch tiếng Hàn của 5 cơ sở đào tạo chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Hàn ở Việt Nam. Nghiên cứu áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, phương pháp nghiên cứu tài liệu văn bản và phỏng vấn trực tiếp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra (1) Thực trạng về tài liệu giảng dạy dịch và một số ưu nhược điểm của tài liệu giảng dạy dịch hiện có; (2) Đề ra một số gợi ý về việc biên soạn giáo trình đào tạo Biên phiên dịch tiếng Hàn.

TỪ KHÓA: giảng dạy dịch; tài liệu giảng dạy dịch; phát triển giáo trình; tiếng Hàn.

NHẬN BÀI: 29/01/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 07/05/2024

1. Đặt vấn đề

1.1. Lý do và mục đích nghiên cứu

Sau 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, Việt Nam - Hàn Quốc đã trở thành đối tác chiến lược toàn diện theo tuyên bố chung giữa hai chính phủ vào năm 2022. Theo báo cáo của Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố 23/06/2023, với 9.666 dự án và vốn đầu tư trên 81,5 tỷ USD, Hàn Quốc là quốc gia đứng thứ nhất về đầu tư nước ngoài ở Việt Nam. Quan hệ kinh tế, giao lưu văn hóa, giao lưu nhân dân kéo theo nhu cầu lớn về một lực lượng người lao động biết tiếng Hàn. Theo thống kê mới nhất của Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc (Korean Foundation) công bố đầu tháng 10/2023 tại Hội thảo khoa học KF Friends Networking Workshop 2023 tổ chức tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, hiện trên cả nước có 43 cơ sở đào tạo bậc đại học ngành ngôn ngữ, văn hóa Hàn Quốc càng thể hiện rõ thực trạng nhu cầu này.

Căn cứ vào nhu cầu của xã hội về nhân lực biên phiên dịch, và kết quả khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về chương trình đào tạo thu thập được trong các kỳ kiểm định chất lượng, việc nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu “được đào tạo tốt hơn” của người học đang là một thách thức lớn đối với các cơ sở đào tạo. Để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành biên phiên dịch (BPD) tiếng Hàn, nghiên cứu này của chúng tôi tập trung phân tích tài liệu giảng dạy dịch áp dụng cho các học phần Biên phiên dịch ngành ngôn ngữ Hàn Quốc tại 5 trường đại học ở Việt Nam có đào tạo chuyên ngành tiếng Hàn nhằm chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của tài liệu giảng dạy dịch hiện có và đưa ra một số gợi ý cho việc biên soạn giáo trình đào tạo BPD tiếng Hàn.

1.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là tài liệu giảng dạy đang được sử dụng trong đào tạo BPD tiếng Hàn ở 5 cơ sở đào tạo ngành tiếng Hàn chính quy, trình độ đại học gồm: (1) Trường Đại học Hà Nội (ĐHHN), (2) Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN - ĐHQG HN), (3) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐH Sư phạm Tp. HCM), (4) Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (ĐH NN - ĐH Đà Nẵng), (5) Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế (ĐHNN - ĐH Huế). Khách thể nghiên cứu là các học phần Biên phiên dịch (BPD) của các cơ sở đào tạo này; giảng viên - người trực tiếp tham gia giảng dạy học phần dịch trong chương trình hoặc người giữ chức vụ quản lý cấp trường bộ môn trở lên.

Về phạm vi nghiên cứu, chúng tôi chỉ tập trung phân tích tài liệu giảng dạy, không xem xét mối quan hệ của mỗi học phần dịch với chương trình đào tạo và ngành đào tạo, và giả định rằng chương trình của mỗi học phần đã đáp ứng được những yêu cầu về kiến thức kỹ năng thái độ được quy định.

*TS; Trường Đại học Hà Nội; Email: nghiemhuong2@gmail.com

Mặt khác, chúng tôi cũng không quan tâm đến mối quan hệ của mỗi học phần dịch với yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy và và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, bảo đảm chất lượng đào tạo.

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi thực hiện một nghiên cứu định tính nhằm mục đích xem xét tính phù hợp của các tài liệu giảng dạy hiện có, và chỉ ra những hạn chế, từ đó đưa ra các gợi ý cải tiến hoặc biên soạn tài liệu giảng dạy dành cho các học phần dịch tiếng Hàn.

Các bước nghiên cứu gồm thu thập thông tin - xử lý và phân tích dữ liệu. Chúng tôi đã tiến hành thu thập và phân tích tài liệu giảng dạy dịch hiện có tại 5 cơ sở đào tạo, sau đó tiến hành khảo sát thu thập thông tin theo mẫu, khảo sát bằng phỏng vấn phục vụ cho việc mô tả hiện trạng các học phần trong chương trình giảng dạy dịch, hiện trạng về tài liệu dạy dịch; cuối cùng là tổng hợp phân tích, chỉ ra ưu, nhược điểm của việc giảng dạy dịch không có giáo trình và đưa ra ý kiến đề xuất.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng đào tạo và tính cần thiết của giáo trình học phần Biên phiên dịch

3.1.1. Khái quát về các học phần

Qua khảo sát bằng đường link thu thập thông tin theo mẫu trong thời gian 01 tuần từ 20 đến 30 tháng 6 năm 2023; hoạt động phỏng vấn được thực hiện qua hình thức online hoặc điện thoại từ thời gian 10 tháng 7 đến 20 tháng 7 năm 2023. Kết quả thu được là 27 phiếu trả lời khảo sát và 5 cuộc phỏng vấn sâu đã giúp chúng tôi mô tả được hiện trạng các học phần trong chương trình giảng dạy dịch và hiện trạng về tài liệu giảng dạy dịch ở các đơn vị như sau.

Thứ nhất, giữa các cơ sở đào tạo có sự khác biệt trong việc bố trí các học phần học dịch, (xem Phụ lục) nhưng nhìn chung, cơ cấu các học phần gồm:

+ 01 học phần mang tính chất định hướng, dẫn dắt, đó là học phần Lí thuyết dịch hoặc Nhập môn BPD;

+ Các học phần thực hành dịch (từ cơ bản đến nâng cao), với tên gọi là Dịch 1, 2, 3; Dịch nói (hoặc Phiên dịch) 1, 2, 3; Dịch viết (hoặc Biên dịch) 1, 2, 3 hoặc Dịch sơ cấp, Dịch trung cấp, Dịch cao cấp...

+ Các học phần thực hành dịch chuyên đề / dịch nâng cao với tên gọi khá đa dạng như Dịch chuyên đề kinh tế, Dịch chuyên đề du lịch, Dịch văn hóa xã hội, Dịch phim Hàn, Dịch văn bản tin tức báo chí, v.v. Ở nhóm này, giữa các cơ sở đào tạo số lượng và tên gọi các học phần là hoàn toàn khác nhau.

Thứ hai, cơ cấu các học phần không có sự khác biệt nhưng giữa các đơn vị có sự chênh lệch lớn về số lượng các học phần được thiết kế trong chương trình: đơn vị ít nhất (ghi rõ tên đơn vị) có 5 học phần bắt buộc, không có học phần tự chọn, đơn vị nhiều nhất (ghi rõ tên đơn vị) có 15 học phần (bao gồm các học phần tự chọn) và chênh lệch về số tín giữa các học phần trong cùng cơ cấu. Sự khác biệt về số tín chỉ và loại học phần giữa các cơ sở đào tạo theo khảo sát của chúng tôi phản ánh tính tự chủ của họ trong thiết kế chương trình, xây dựng đề cương học phần; đồng thời cũng cho thấy giữa các đơn vị đào tạo cùng ngành ngôn ngữ Hàn nhưng không có sự tham khảo, trao đổi.

Thứ ba, sau mỗi lần sửa đổi chương trình, ở hầu hết các cơ sở đào tạo đều có việc “đổi tên học phần”. Việc này không phải là việc thay mới bằng học phần khác phù hợp hơn, mà nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ thay đổi nhân lực tại cơ sở đào tạo. Việc học phần được thiết kế trong chương trình nhưng không được triển khai giảng dạy cũng bởi lí do không có nhân lực có khả năng thực hiện.

Thứ tư, về số lượng tài liệu sử dụng trong giảng dạy dịch

- Đối với học phần mang tính chất định hướng: ĐHHN và ĐHNN - ĐH Đà Nẵng sử dụng 01 sách xuất bản làm giáo trình môn học; ĐHNN - ĐHQG HN tự biên soạn 01 giáo trình, lưu hành nội bộ dùng cho cấp cơ sở; các đơn vị khác chỉ có tập bài giảng.

- Đối với các học phần thực hành dịch: ĐHNN - ĐHQG HN có 01 giáo trình tự biên soạn, lưu hành nội bộ; các đơn vị khác có tập bài giảng;

- Đối với các học phần dịch chuyên đề/ nâng cao: Trường ĐH Hà Nội có 01 giáo trình tự biên soạn, lưu hành nội bộ; Trường ĐH NN- ĐH QG HN có 04 giáo trình tự biên soạn; các học phần khác ở 2 đơn vị này và tất cả các học phần thuộc nhóm này ở các đơn vị khác chỉ có tập bài giảng.

- Xét về số lượng giáo trình trên số môn học: Số lượng giáo trình trên tổng số các học phần vô

cùng ít ỏi. Trường hợp của ĐHHN có 02/15; ĐHNN - ĐHQG HN có 06/09; ĐHNN - ĐH Đà Nẵng có 01/09,...các cơ sở đào tạo khác hoàn toàn không có giáo trình, có tập bài giảng, hoặc không.

3.1.2. *Thực trạng giảng dạy có giáo trình và không có giáo trình*

Không thể khẳng định việc giảng dạy không có giáo trình là hoàn toàn không tốt. Theo kết quả phỏng vấn giảng viên dạy dịch, ưu điểm lớn nhất của việc giảng dạy dịch không phụ thuộc giáo trình ở giờ dạy dịch viết là người dạy được tự do, linh hoạt trong việc lựa chọn bài dạy, những vấn đề thời sự cập nhật của xã hội được sớm đưa vào làm chủ đề bài dạy. Trong dạy dịch nói hoạt động mô phỏng tình huống thực tế cũng gắn với những vấn đề thời sự, không ít là trải nghiệm trực tiếp của chính giảng viên – người vừa giảng dạy vừa hoạt động như một biên phiên dịch tự do, khiến người học cảm thấy bài học sinh động hữu ích cho công việc của họ sau này.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nêu trên, việc giảng dạy dịch không có giáo trình có nhiều hạn chế như sau:

Thứ nhất, nội dung bài dạy với tính thời sự cập nhật có phù hợp với năng lực của người học? Thực tế là nhiều trường hợp nội dung văn bản nguồn quá khó, khiến người học không thể chuyển sang ngữ đích.

Thứ hai, các văn bản nguồn mà giảng viên đã dịch và sử dụng cho lớp học có thể thiếu tính đa dạng về thể loại và lĩnh vực kiến thức. Thực tế là giảng viên thường xuyên làm việc với một lĩnh vực chuyên ngành nào đó (ví dụ đang cộng tác dịch cho một dự án môi trường hoặc cho một dự án thiết kế đô thị kéo dài nhiều năm, khiến các bài dạy của giảng viên chỉ liên quan đến lĩnh vực này).

Thứ ba, việc lựa chọn tức thì một bài dạy có đảm bảo sự gắn kết với những bài dạy trước và sau nó, và với toàn bộ học phần? Trong mỗi bài dạy như vậy thì những *kỹ năng* nào sẽ được đưa vào giảng dạy và luyện tập, góp phần phát triển các kỹ năng đó? (**kỹ năng*: kỹ năng dịch thuật). Do vậy những vấn đề cần cân nhắc là: sự hài hòa giữa các yếu tố nội dung và yếu tố kỹ năng cần đạt hay; ưu tiên cho nội dung kiến thức hay rèn luyện kỹ năng; sự phù hợp giữa bài dạy với mục tiêu của học phần theo lịch trình giảng dạy.

3.1.3. *Nhận thức của giảng viên về giáo trình Biên phiên dịch*

Qua phỏng vấn sâu giảng viên về việc biên soạn giáo trình dạy dịch, chúng tôi thu được một số ý kiến phản ánh nhận thức của giảng viên đối với việc này như sau.

Tất cả người được phỏng vấn đều cho rằng việc có giáo trình cho mỗi học phần có ý nghĩa to lớn trong công tác giảng dạy;

Thứ nhất, giáo trình giúp ổn định chất lượng dạy học giữa các khóa học, giảm áp lực cho người dạy trong việc chuẩn bị nội dung bài dạy, giảm tính chủ quan của người dạy trong việc lựa chọn nội dung vào giảng dạy; đơn vị có thể dần thoát khỏi sự phụ thuộc hoàn toàn vào người dạy do vấn đề nhân sự, hoặc tình trạng “1 môn học 1 giảng viên”.

Thứ hai, việc có giáo trình để lên lớp khiến bản thân giảng viên chủ động và có thể dành thời gian cho việc tìm kiếm bổ sung hệ thống bài tập luyện tập kỹ năng cho người học, giúp nâng cao hiệu quả trong việc giảng viên giảng bài và sinh viên luyện tập theo hướng dẫn, nâng cao toàn diện chất lượng học tập ở mỗi tuần học của học phần.

Thứ ba, bên cạnh những lý do trên, 100% giảng viên trả lời phỏng vấn đều đồng ý rằng việc phát triển tập bài giảng - đang có sẵn thành giáo trình của học phần là việc làm không đơn giản. Ngoài những khó khăn chuyên môn sẽ gặp phải khi cần đáp ứng những yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của học phần, còn có những khó khăn khách quan như khó tập trung nguồn lực, nhân sự, thời gian cho công tác xây dựng giáo trình. ĐHHN và ĐHNN - ĐHQG HN đã giảng dạy dịch tiếng Hàn trên 20 năm nhưng chưa biên soạn được một bộ giáo trình dạy dịch là minh chứng rõ nét cho những khó khăn này.

3.2. *Nhận xét*

Tại Thông tư 35/2021/TT-BGDĐT quy định giáo trình phải cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng và thái độ quy định trong mỗi học phần đào tạo.

Việc học phần có giáo trình của học phần phần nào đã đảm bảo các yêu cầu về nội dung- *phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, bảo đảm chuẩn kiến thức, kỹ năng, đáp ứng chuẩn đầu*

ra của học phần; về kiến thức - được trình bày khoa học, logic, bảo đảm cân đối giữa lý thuyết và thực hành; phù hợp với thực tiễn và cập nhật những tri thức mới của khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội đã được kiểm chứng và công nhận. Tuy nhiên trên thực tế, cả ở trong các giáo trình cũng còn chứa đựng một số vấn đề. Chẳng hạn:

1) Ở nhóm giáo trình thứ nhất: Là xuất bản phẩm có sẵn và được lựa chọn vì có nội dung phù hợp với một phần hoặc nhiều phần trong mục tiêu của học phần đã chỉ ra.

+ Về nguyên tắc khi lựa chọn xuất bản phẩm có sẵn: Giáo trình cần cân nhắc tỉ lệ phù hợp giữa nội dung trong xuất bản phẩm với yêu cầu nội dung mô tả trong đề cương của học phần. Nếu tỉ lệ phù hợp thấp thì xuất bản phẩm này chỉ nên là một phần của tập bài giảng chứ không nên được coi là giáo trình;

+ Cùng với việc lựa chọn 1 xuất bản phẩm làm giáo trình của học phần cần phải cân nhắc việc bổ sung từ nguồn khác những nội dung mà xuất bản phẩm này chưa đáp ứng được;

+ Cần cân nhắc sự lô-gic và tính hài hòa giữa nội dung trong ấn phẩm có sẵn và nội dung bổ sung từ nguồn khác. Vấn đề ở nhóm thứ nhất này là sự phù hợp của ấn phẩm được chọn và mức độ đáp ứng của chúng đối với chuẩn đầu ra của học phần.

- Ở nhóm giáo trình thứ hai: Là giáo trình được biên soạn cho chính học phần đó. Loại giáo trình này sẽ được xây dựng theo đề cương học phần có sẵn và chỉ để phục vụ mục tiêu của học phần này.

Do là giáo trình được biên soạn cho chính học phần đó nên xuất phát điểm tính từ đề cương học phần, nội dung của giáo trình được xây dựng từ đề cương của học phần và phục vụ mục tiêu của học phần đó. Khó khăn ở nhóm thứ hai này là công tác biên soạn giáo trình.

Nhằm đánh giá sâu hơn ưu và nhược điểm của giáo trình có sẵn được sử dụng làm giáo trình của học phần (nhóm giáo trình thứ nhất) chúng tôi đã thực hiện phỏng vấn sâu giảng viên được phân công giảng dạy, và nghiên cứu ngẫu nhiên 01 giáo trình được sử dụng trong một học phần thực hành dịch (cụ thể là: Trần Thị Thu Phương & Nguyễn Thùy Dương “*Giáo trình Biên dịch I*”, 2021) và sắp xếp lại được một số nhóm vấn đề trong quá trình giảng dạy với giáo trình có sẵn như sau:

Thứ nhất, đề cương học phần có cơ hội sửa đổi mỗi 2 năm nhưng giáo trình không sửa đổi kịp, điều này dẫn đến việc trong giáo trình có thừa/ bị thiếu nội dung so với đề cương mô tả;

Thứ hai, giáo trình giao đến tay người dạy là cũng là giáo trình đưa đến tay người học, hoàn toàn không có sách dành cho giảng viên hoặc các chỉ dẫn sự phạm cho giảng viên. Đây là khó khăn rất lớn để người dạy có thể truyền tải tốt tinh thần và giá trị của giáo trình. Rất cần cầm nang hướng dẫn dùng sách hoặc các chỉ dẫn sự phạm.

Thứ ba, cấu trúc nội dung của bài dạy theo hướng cung cấp nội dung - từ vựng - ngữ pháp - thực hành dịch - luyện tập - đáp án là phù hợp nhưng:

- Nội dung quá nhiều và không hoàn toàn logic: văn hóa, kinh tế, chính trị, thư tín, công văn, hợp đồng, thông báo, quảng cáo, thủ tục hành chính, hợp đồng lao động, thủ tục thành lập doanh nghiệp, quy định pháp luật thành lập công ty liên doanh, bài phát biểu, tin báo chí, chương trình truyền hình, trích đoạn văn học v.v.;

- Thể loại văn bản trong sách quá đa dạng: Từ thể loại có khuôn mẫu cố định (*Hợp đồng lao động; Quy định về thành lập công ty liên doanh...*) đến thể loại có khuôn mẫu nhưng không có định (*Mẫu thư tín, công văn hợp đồng; Thông báo, quảng cáo của doanh nghiệp*); đến thể loại có rất nhiều đặc điểm trong đó và theo đó có thể phân thành các tiểu thể loại (*Tin tức báo chí*) và đến cả thể loại rất khó có những đặc điểm chung (*Kịch bản phim truyền hình, trích đoạn tác phẩm văn học, v.v.*).

Thứ tư, bố trí trật tự giữa các bài trong giáo trình cần đảm bảo tính thống nhất xuyên suốt theo mức độ từ dễ đến khó. Các tuần đầu của học phần học các bài dễ hơn so với các bài ở những tuần cuối của học phần.

Kết quả phân tích sâu ngẫu nhiên 01 giáo trình được sử dụng ở học phần Thực hành dịch 1 là giáo trình nghiệm thu cấp cơ sở của một đơn vị đào tạo, học phần 03 tín chỉ, với 15 tuần học, tương ứng là 15 bài học trong giáo trình cũng cho thấy một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, việc xây dựng giáo trình dịch không rõ hướng tiếp cận theo kĩ năng dịch hay theo loại hình văn bản dịch; sự quá tải nội dung và quá tải cả loại hình văn bản. Cần có sự liên kết hoặc phân

chia giữa học phần này với học phần khác về nội dung và chủ đề.

Thứ hai, nội dung trong sách không được sắp xếp lô-gic, không theo mức độ khó tăng dần. Ví dụ như ở Bài 4 - *Các cơ quan hành chính và thủ tục hành chính*, Bài 5 - *Chủ đề kinh tế, xã hội có nội dung khó hơn nhiều lần so với Bài 11, 12 - Tin tức báo chính (tin văn)*;

Thứ ba, loại hình văn bản và văn phong chưa phù hợp với năng lực của người học ở học phần này. Ví dụ như Bài 6 - *Hợp đồng lao động*, Bài 7, 8 - *Những quy định về thành lập công ty liên doanh* là quá khó về nội dung, loại hình và văn phong so với trình độ của người học ở học phần Dịch 1 – học phần đầu tiên trong thực hành dịch viết và khó hơn so với nội dung và loại hình ở các Bài 9, 10 – *Bài phát biểu*;

Thứ tư, có sự rời rạc giữa nội dung giáo trình với nội dung được chỉ dẫn trong đề cương chi tiết học phần, thiếu lôgic bản thân giáo trình đồng thời cũng thiếu sự chỉ dẫn sự phạm cho giảng viên được phân công giảng dạy v.v. khiến công tác ra đề, kiểm tra đánh giá cũng gặp khó khăn. Rất chủ quan khi giảng viên phải quyết định việc ra đề nên tuân theo giáo trình - thực dạy hay tuân theo chuẩn đầu ra của học phần.

4. Kết luận và đề xuất

Lê Hoài Ân (2022) đã khái quát rằng, tại các trường đại học có truyền thống đào tạo ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay vẫn coi dịch thuật là một định hướng đào tạo, chứ không phải là một ngành hoặc chuyên ngành đào tạo. Tại 5 cơ sở đào tạo là khách thể nghiên cứu này cũng không ngoại lệ. Chương trình đào tạo cử nhân ngành tiếng Hàn của 5 cơ sở này đều chú trọng đến văn hóa và giao tiếp nhưng dường như chưa chú trọng đầy đủ đến cơ sở lý luận về ngôn ngữ nói chung và về dịch thuật nói riêng.

Các mô tả thường theo hướng thiết kế các khối kiến thức, năng lực đề trang bị cho người học những kĩ năng nền tảng giúp họ có thể thích ứng, làm việc ở nhiều lĩnh vực khác nhau khi ra trường như kĩ năng phân tích yêu cầu đối với bản dịch, phân tích văn bản nguồn, phân tích tình huống giao tiếp, phân tích nhu cầu, thị hiếu người tiếp nhận sản phẩm dịch, v.v. nhưng trong giáo trình gần như không thể hiện được điều này.

- Các giáo trình hiện nay tập trung nhiều vào nội dung và gắn chặt với mức độ khó của từ vựng, cấu trúc mà chưa quan tâm thích đáng đến những khía cạnh loại hình văn bản, chưa có sự phân chia mức độ khó theo loại hình văn bản;

- Các kĩ năng quan trọng mà người dịch cần có như kĩ năng phân tích văn bản, phân tích tình huống giao tiếp, kĩ năng đề tổ chức sắp xếp thông tin cho phù hợp, kĩ năng lựa chọn từ ngữ diễn đạt sao cho ngắn gọn và đơn giản, kĩ năng lược bớt thông tin, kĩ năng tường giải để đảm bảo truyền tải thông điệp một cách mạch lạc, dễ hiểu đối với người tiếp nhận v.v. chưa được hình thành như những nội dung *phải dạy, phải luyện* cụ thể hóa trong giáo trình mà chỉ là những nội dung được *có đề cập đến* trong lời nói của giảng viên trong các giờ lên lớp. Nền tảng:

- Việc xây dựng giáo trình nên tăng tính logic bằng việc xây dựng Bộ giáo trình cho nhiều môn dịch. Ví dụ xây dựng Bộ giáo trình kĩ năng dịch viết 1, 2, 3 hoặc Bộ giáo trình kĩ năng dịch nói 1, 2,... hơn là việc xây dựng một giáo trình cho mỗi học phần riêng lẻ;

- Việc xây dựng giáo trình cũng nên huy động nhóm nghiên cứu (có thể là giảng viên trong và ngoài bộ môn, trong và ngoài trường) để tăng tính khách quan và phản biện; giữa các đơn vị cũng có thể tham khảo được lẫn nhau.

- Theo mức độ khó tăng dần, giữa các học phần nên có sự phân chia về nội dung (chủ đề) và loại hình văn bản. Nên có sơ đồ tổng thể (hoặc ma trận) giữa nội dung và loại hình để bài trí đầy đủ, cân đối giữa chúng trong học phần và với các học phần khác;

- Theo mức độ khó tăng dần, trong một học phần nên có những chỉ dẫn về từ vựng, tiêu điểm ngữ pháp, kĩ thuật dịch, kĩ năng được đề cập và kĩ năng cần luyện tập.

Ở bậc đào tạo đại học, cần ít nhất 04 năm để có được sản phẩm đào tạo là một khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường làm việc. Mỗi khóa sinh viên lại có những đặc điểm khác nhau, vì thế nghiên cứu phát triển chương trình đào tạo, cải tiến nội dung đào tạo là việc làm thường xuyên. Nghiên cứu này mới dừng lại ở việc xem xét thực trạng về giáo trình dạy dịch và một số ưu nhược điểm của giáo trình dạy dịch hiện có; và đưa ra một số trao đổi và đề xuất về công tác biên soạn giáo trình đào tạo BPD

tiếng Hàn. Hy vọng nghiên cứu này hữu ích đối với những người làm giáo dục, với công tác phát triển giáo trình và có tính tham khảo đối với bạn đọc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hoài Ân (2022), "Đường hướng đào tạo dịch thuật chuyên nghiệp ở các nước nói tiếng Đức". *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài*, tập 38, số 1, tr.27-44.
2. Trường Đại học Hà Nội (2022), *Quy định biên soạn, thẩm định, lựa chọn, duyệt và sử dụng giáo trình, sách phục vụ đào tạo tại Trường Đại học Hà Nội* (ban hành kèm theo Quyết định số 1088/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội).
3. Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), *Quy định về công tác giáo trình của Đại học Quốc gia Hà Nội* (ban hành theo quyết định số 1600/QĐ-ĐHQGHN, ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội).
4. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế (2022), *Quy định Biên soạn, thẩm định, xuất bản và sử dụng giáo trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế* (ban hành kèm theo Quyết định số 1705/QĐ-ĐHNN ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế).
5. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (2023), *Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, phê duyệt và sử dụng giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng* (ban hành theo quyết định số 780/QĐ-ĐHNN, ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng).
6. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh* (ban hành theo Quyết định số 2946/QĐ-ĐHSP ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh).
7. Lê Huy Khoa (2019), *Luyện dịch song ngữ Hàn - Việt qua 3.000 tiêu đề báo chí*. Nhà phát hành Sống.
8. Lê Thị Thanh Mai, Đặng Nguyễn Thùy Dương (2019), *Giáo trình Phiên dịch tiếng Hàn*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Lê Huy Khoa (2019), *1.200 câu luyện dịch tiếng Hàn*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nghiêm Thị Thu Hương, Lee Kye Sun (2015), *Luyện tập nâng cao năng lực dịch Việt - Hàn, Hàn - Việt*. Nxb Mun E Rim, Hàn Quốc.
11. Nghiêm Thị Thu Hương (2021), *Nhập môn Biên phiên dịch tiếng Hàn*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Trần Thị Thu Phương & Nguyễn Thùy Dương (2021), *Giáo trình Biên dịch 1*. Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Phạm Thị Ngọc (2021), *Tập bài giảng học phần “Biên - phiên dịch tiếng Hàn chuyên đề Du lịch”*. Khoa tiếng Hàn Quốc, Trường Đại học Hà Nội.

Translation teaching materials applied to Korean language translation and interpretation modules at Vietnam universities: Current situation and suggestion

Abstract: In order to contribute to improving the quality of training Korean translation and interpretation, this study focuses on examining the issues of considering the current situation of teaching translation textbook in the Korean Translating and Interpreting training program of 5 training institutions specializing in Korean translation and interpretation in Vietnam. The study applies qualitative research methods, textual document research methods and direct interviews. The research results show (1) The current situation of translation teaching textbooks and some advantages and disadvantages of existing translation teaching textbooks; (2) Give some suggestions on compiling textbooks for Korean translation and interpretation.

Key words: teaching translation; translation teaching textbook; textbook development; Korean.